

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển kho bãi Nhơn Tân.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 4121/SNNMT-CCBVMT ngày 23/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 2,99ha) tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển kho bãi Nhơn Tân;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM Dự án đầu tư khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 2,99ha) tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1812/CV-NT ngày 19/12/2025 của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển kho bãi Nhơn Tân;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 783/TTr-SNNMT ngày 23/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 2,99ha) thực hiện tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển kho bãi Nhơn Tân (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- Chủ dự án;
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND xã Canh Vinh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, N4. 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG
THƯỜNG (DIỆN TÍCH 2,99HA) TẠI SÔNG HÀ THANH, XÃ CANH
VINH, TỈNH GIA LAI CỦA CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN KHO BÃI NHƠN TÂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai).

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 2,99ha) tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai.
- Địa điểm thực hiện: tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển kho bãi Nhơn Tân.
- Địa chỉ liên hệ: thôn Nam Tượng 1, xã An Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: 0256.3520.487

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 2,99 ha.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00); trong đó, thời gian vận chuyển ra vào dự án từ 8h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00.
- Trữ lượng địa chất được phép khai thác theo Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 21/05/2025 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) là 47.080 m³ cát địa chất (hệ số nở rời 1,17) với thời gian khai thác 02 năm, công suất khai thác cụ thể như sau:

- + Năm thứ nhất: 23.540 m³ cát địa chất/năm.
- + Năm thứ hai: 23.540 m³ cát địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác: Toàn bộ diện tích dự án chia làm 02 khoảnh khai thác (gồm: khoảnh 1 diện tích 1,52 ha và khoảnh 02 diện tích 1,47ha) tương ứng khai thác trong 02 năm. Tuyến khai thác được phát triển theo song song theo hướng dòng chảy của sông, khai thác từ thượng lưu về hạ lưu và tính tuyến từ ngoài lòng sông vào bờ. Sử dụng máy đào có dung tích gầu 1,25m³ để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa tạm để cát ráo nước trước khi đưa lên ô tô vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư:

- Khu vực phụ trợ (nằm ngoài ranh giới mỏ) có diện tích 240m², bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.... Chủ dự án phải thực hiện đảm bảo các thủ tục pháp lý về đất đai đối với khu vực phụ trợ trước khi khai thác.

- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong khu vực mỏ) diện tích khoảng 500 m² để lưu chứa cát chờ ráo nước trước khi vận chuyển đi tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày và phải được thu dọn, tháo dỡ trước ngày 15/9 hằng năm.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ:

+ Cải tạo, nâng cấp để sử dụng tuyến đường đất hiện trạng nối từ Quốc lộ 19C đến bờ sông, có kích thước: Dài 390 m x Rộng 5 m.

+ Mở mới tuyến đường bắc qua nhánh sông có tổng chiều dài 510m, rộng 6,7m; xây dựng đường tràn bằng đá dăm và đoạn giữa lắp 05 làn cống (mỗi làn 02 cống BTLT D1500) kết hợp rọ đá và đá dăm bên trên để vận chuyển, đảm bảo lưu thông dòng chảy và tháo dỡ trước 15/9 hàng năm.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ thay đổi dòng chảy, tác động gây sạt lở bờ, kè ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của người dân trong khu vực.

- Tuyến đường nội bộ, đường qua nhánh sông và bãi lưu chứa cát tạm có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên phát sinh khoảng 0,6 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị tham gia khai thác và từ hoạt động của xe vận chuyển. Thành phần chủ yếu là: bụi TSP, NO_x, SO₂, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 5,6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi,

nhặng.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 30,0 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác cát có nguy cơ gây sạt lở 02 bên bờ, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng cho phép trên các tuyến đường; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát tại những đoạn đi qua khu dân cư: thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi lưu chứa cát tạm: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trang bị thùng lưu chứa chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng thu gom, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: không

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác				
1	San gạt lại khu vực dự án tránh tạo hầm hố sâu	m ³	2.354	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
2	San gạt đường vận chuyển qua bãi bồi (đào đất bằng máy đào)	m ³	1.800	Khởi thông dòng chảy	Sau khi kết thúc khai thác
3	Công tác phá dỡ các biển báo, bảng thông tin công trình	cái	7	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác
4	Tháo dỡ và vận chuyển các cống bê tông qua sông, loại D1500, L=2,5m	cái	10	Khởi thông dòng chảy	Sau khi kết thúc khai thác
5	Tháo dỡ đường tràn bằng rọ đá loại (2x1x0,5)m	rọ	100	Khởi thông dòng chảy	Sau khi kết thúc khai thác
6	Xử lý sạt lở bờ sông: Gia cố bờ bằng cọc tre kết hợp đắp bao tải cát			Phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố xảy ra do hoạt động khai thác, đảm bảo an toàn đường bờ sông	Ngay khi sự cố xảy ra
6.1	Đóng cọc tre gia cố bờ sông, loại cọc 2,5m, đất cấp II bằng thủ công	m	1.500		
6.2	Đắp bao cát gia cố	m ³	300		
II	Ngoài khu vực khai thác				
1	Tháo dỡ các hạng mục công trình, thiết bị			Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác
1.1	Nhà điều hành + nhà vệ sinh lưu động	Tấn	0,5		
1.2	Trạm cân	Tấn	2		
1.3	Tháo dỡ các hệ thống điện, nước	Tấn	2,5		
2	Vận chuyển thiết bị ra khỏi mỏ	ca	4		
3	Dọn vệ sinh tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ thuộc phạm vi sử dụng	m	500	Giảm thiểu bụi, cát bay	Sau khi kết thúc khai thác
3.1	Dọn dẹp cát rơi vãi mặt đường	m ²	2.500		
3.2	Khối lượng xúc gom cát	m ³	125		

STT	Công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
4	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ (gồm 2,99ha khu vực khai thác và 17,91ha khu vực xung quanh)	Ha	20,9	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: 437.160.000 (Bốn trăm ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần, thực hiện thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 109.290.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần còn lại, số tiền: 327.870.000 đồng/lần, thời điểm ký quỹ: thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai, 387 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025.

Trường hợp chủ dự án không nộp hoặc nộp chậm tiền ký quỹ theo thời hạn nêu trên thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sau khi kết thúc khai thác hàng năm, thực hiện tháo dỡ lán trại tạm, tháo dỡ đường nội bộ; đường qua nhánh sông đảm bảo thông thoáng dòng chảy. Tiến hành khảo sát, đo đạc địa hình trong và ngoài phạm vi dự án, đánh giá các vị trí xung yếu 02 bên bờ có nguy cơ sạt lở để thực hiện gia cố kịp thời, giảm nguy cơ sạt lở 02 bên bờ.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của người dân phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy;
- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.
- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không